

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 3H VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 3H VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 3H VIET NAM INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 3H VIET NAM INVESTMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110548670

**3. Ngày thành lập:** 21/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 Ngách 135/63 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0362760390

Fax:

Email: 3hinvest.ltd@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa<br>Cụ thể:<br>- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu);<br>- Lò sưởi, tháp làm lạnh;<br>- Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện;<br>- Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;<br>- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí;<br>- Thiết bị khí đốt (gas);<br>- Đường ống dẫn hơi nước;<br>- Hệ thống phun nước tưới cây;<br>- Lắp đặt hệ thống ống dẫn<br>- Hệ thống phun nước chữa cháy; | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330 |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc<br>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước<br>+ Chống ẩm các tòa nhà.<br>+ Lắp dựng kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối<br>+ Uôn thép<br>+ Xây gạch và đặt đá<br>+ Lợp mái các công trình nhà để ở.                                                                                                                                                                                                  | 4390 |
| 5.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4520 |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4530 |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4542 |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4543 |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ những loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4620 |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại<br>- Bán buôn sắt, thép<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng và chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 13. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9321        |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                             | 6619        |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản)                                                                                                                                          | 6820        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5510        |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)<br>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh<br>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                                                                                           | 5610        |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101(Chính) |

|     |                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                        | 4102 |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                  | 4211 |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                   | 4212 |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                       | 4221 |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                            | 4222 |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                             | 4223 |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                              | 4229 |
| 28. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                       | 4291 |
| 29. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                | 4292 |
| 30. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                          | 4293 |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                     | 4299 |
| 32. | Phá dỡ<br>- Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn<br>(Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)            | 4311 |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng<br>- Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn<br>(Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) | 4312 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                          | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | KHÔNG THU THÚY       | Việt Nam  | Số 3 Ngách 35 Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 200.000.000.000       | 40,000    | 001190000289                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THANH HÒA | Việt Nam  | TDP Yên Bình, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | 150.000.000.000       | 30,000    | 001187050396                                                                                            |         |
| 3   | VŨ THÀNH TRUNG       | Việt Nam  | Phòng 202 TT VKSNDTC Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 150.000.000.000       | 30,000    | 019077000339                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **KHÔNG THU THÚY**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/06/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001190000289*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 3 Ngách 35 Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 3 Ngách 35 Ngõ Văn Hương, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**